

Hận Mế Châu

Phần I: Nguyên Tác

Đứa Trọng Thủy tham gì sắc Mế Châu
Vì linh quang thần nỏ chút nhiệm màu.
Vì Cổ Loa thành cao, hào lại rộng
Vì non sông gấm vóc nòi Viêm Âu.

Biết thân em duyên đó nợ nần đâu
Dấu đoạn trường đem rắc lối giặc Tàu
Thân bách chiến nổi cha sào cô tức
Giá băng ngồi em tiếc để thẳng ngâu.

Máu oan em đọng lại ngọc trên châu
Khối oan em thề rửa máu thẳng ngâu
Sóng oan em thề tát bầu bể ác
Hồn oan em chẳng bỏ cõi Viêm Âu.

Ấy năm năm nòi Hán mấy hạ cầu
Đường Quế Lâm Nam Hải ngắt mây sầu
.....(?) (*)
Hồn Việt Thường còn hú nuôi Mế Châu.

4822 T.V. (1943)

(*) Trong Bản Giải Thích này của tác giả Mẫn Cầu, đoạn thứ ba bỏ trống và đánh dấu hỏi. Chúng tôi (HHTN) đã tham khảo nhiều nguồn khác đều thấy đoạn này chỉ có 3 câu.

Phần II: Chú Giải

A. Giải nghĩa những câu chữ khó

Hận Mế Châu: Theo sử truyền: An Dương vương xây Loa Thành, xây mãi cũng đổ hoài. Sau nhờ có thần Kim Quy giúp nên mới hoàn thành. Thần Kim Quy lại cho một cái móng chân để làm cái máy nỏ, nỏ ấy tên là "Linh Quang Kim Trảo Thần Nỏ" có phép bắn một phát chết hàng vạn người. Bởi thế nên Triệu Đà mấy lần đem quân sang xâm lược đều bị thảm bại. Triệu bèn dùng chước hòa thân, cho con trai Trọng Thủy sang cầu hôn với con gái An Dương vương là Mỵ Châu. Cưới xin rồi, Trọng Thủy dỗ vợ cho xem nỏ mà dấu đi. Về báo cho cha, Triệu Đà được máy nỏ rất mừng liền phát binh sang đánh chiếm Âu Lạc.

An Dương vương cậy có nỏ thần không lo phòng bị. Khi nghe giặc đến, Vương cười tự đắc nói: “Đã không sợ nỏ thần sao?” Nhưng khi giặc đến, Vương đem nỏ thần ra bắn thì không còn hiệu nghiệm nữa, vì thần cơ đã mất. Vương thua chạy, chờ My Châu mà tiến về hướng Nam đến bờ bể, khẩn thần Kim Quy cứu giúp. Thần hiện lên bảo: “Giặc ngồi sau lưng nhà vua đó!” Vương liền tuốt gươm chém My Châu rồi theo thần Kim Quy cầm sừng Văn Tê 7 tấc đi vào biển. Trước khi từ giã My Châu, Trọng Thủy hỏi vợ rằng: “Trong thời gian xa cách, nếu như có biến cố thì làm thế nào để tìm được nhau? My Châu nói: “Thiếp có cái áo lông ngan đi đến đâu thiếp sẽ rắc lông ngan làm dấu, chàng có thể cứ theo dấu lông ngan mà tìm”. Trọng Thủy theo vết lông ngan tìm thấy xác My Châu đem về chôn trong Loa Thành nơi đó sau hóa giếng ngọc. Trọng Thủy thương cảm vô cùng nên nhảy xuống giếng ấy mà chết.

My Châu chết, máu oan chảy xuống biển, các loài trai ăn vào hóa thành các thứ ngọc quý. Sau này ai lấy được ngọc châu ở Đông hải, lấy nước giếng Loa Thành rửa thì thấy sắc ngọc càng thêm rực rỡ.

Tác giả làm bài thơ “Hận Mế Châu” nói lên lòng thương cảm cho oan hồn cô nghiệt của Mế Châu, cũng vì đó mà trở thành mối sầu thiên cổ của giống nòi Bách Việt.

Mế Châu: Tại sao Mế mà không Mị? Theo sử lược viết về thời Hùng vương: con gái vua gọi là Mị nương; do đó mà con gái An Dương vương tên là Mị. Ở đây tác giả viết Mế mà không viết Mị là muốn tìm về tiếng gốc của Việt. Các sử gia của ta xưa khi viết sử phải mượn chữ Hán nên đã có những chữ viết sai với tiếng Việt, thí dụ: Văn Làng viết ra Văn Lang chẳng hạn. Ở đây có lẽ vì tiếng Mế chữ Hán không có nên phải lấy chữ Mị mà thế vào, người sau cứ thế tiếp tục viết và đọc quen đi như Văn Lang; Mị Châu, Mị nương v.v. . . Như thế vô tình đã để mất gốc. Tuy nhiên nên để ý truy cứu ra chưa hẳn đã là mất, vì hiện nay trong dân gian vẫn còn một số tiếng thuộc dòng dõi với họ “Mế” như: Mê: Ban Mê Thuật; buôn là bản là làng, Mê thuật như Mê Châu, Mế Hê, v.v. ...Mệ: tiếng để tôn xưng các bà mệnh phụ phu nhân, từ trong triều đình Huế lan ra các khu vực lân cận. Mẹ: tiếng thông thường của con gọi mẹ trong dân gian sau tiếng “cái”.

Phải chăng những tiếng kể trên đây là do nguồn gốc từ chữ “Mế” mà ra. Qua thời gian không gian, giọng nói nặng nhẹ đi đến chỗ khác nhau mà thôi. Chữ “Mế” là lúa gạo (mễ cốc) sản phẩm nghề nghiệp của dân tộc mình, cho nên hình dạng chữ này nằm gọn trong lòng chữ “việt” (粵) bộ “mễ”.

Toàn thể chữ Việt trông phảng phất giống nét chữ “Môn”, một thứ chữ gốc của nền văn hóa tối cổ của Việt tộc. Hiện nay ở vùng Thập Châu Thanh Hóa còn nhiều di tích về nét chữ này. Ở miền Nam gia đình họ Trịnh còn giữ được. Chính chúng tôi đã có cái may mắn đến thăm nhà họ Trịnh và được mục kích thấy những nét chữ Môn. Không hiểu theo Môn hệ xưa thì chữ này (粵) phát âm như thế nào? Giờ đây chúng ta đọc là “mễ” là phát âm theo Hán Việt;.

Về nghĩa gốc của chữ này xét ra cũng rất giản dị. Dân tộc Việt Miêu cùng gọi là Viêm tộc, là hậu duệ của Viêm đế họ Thần Nông. Thần Nông là Tỵ tổ của

nghe làm ruộng, cho nên hình tượng chữ Việt Miêu (粵) mang đầy đủ hình tích ruộng vườn thóc lúa.

Lấy chữ “mễ” đặt tên cho con gái: Mễ nàng, mễ nương rồi dần dần biến thể sang những chữ này tiếng khác như đã bàn ở trên. Về sau còn đặt là nàng Tấm, nàng Cám (lúa gạo) phải chăng vẫn còn ảnh hưởng cái ý nghĩa ấy (mễ)? Tác giả nhắc lại một tiếng gốc để không quên cái hồn muôn thuở của Mễ Châu.

Đứa: Đại danh từ dùng để gọi những trẻ nhỏ và những kẻ ty tiện, thí dụ: đứa hèn hạ, đứa ngỗ nghịch, đứa gian ác, v.v... Ở đây nói đứa Trọng Thủy để biểu lộ sự khinh bỉ, một đứa gian xảo, ác độc, vì hãn (nói theo danh từ hiện nay) chỉ là một tên gián điệp với mục đích sứ mạng là làm thế nào đánh cắp hay phá hủy được món vũ khí khá màu nhiệm của đối phương gọi là “Linh Quang Kim Trảo Thần Nổ”. Vì bởi cái vũ khí nguy hiểm đó đã làm cho đoàn quân xâm lược của cha hãn mấy phen phải thất điên bát đảo, thảm bại nhục nhã.

Cổ Loa thành: Ngoài những truyền thuyết như: Thần Kim Quy giúp xây thành, còn mấy điều đáng lưu ý:

Giữa thành có một cái giếng. Thành bắt đầu xây từ cái giếng ấy. Phải chăng như thế là bắt đầu từ không (Cái giếng). Rồi từ đó thành xây theo hình tròn ốc, tượng trưng quy luật vận hành của vũ trụ (Loa Thành) và cứ để mỗi khoảng cách có một cái ụ. Từ ụ ở vòng trong đến ụ ở vòng ngoài lập thành thể tam giác (tam giác địa động) một lối công sự phòng thủ để chiếu cố lẫn nhau mà tác giả nói là ngoài cái ý về phòng ngự, cái ụ còn tượng trưng cho một chuyển hình, do đó mà tác giả bảo một vài triết thuyết khác cũng quan niệm là vũ trụ vận động theo loa hình, song cái loa hình của họ là loa hình thẳng tuột như cái phễu. Thực ra thì sự vận hành của vũ trụ từng theo hình loa (xoáy chôn ốc), nhưng mỗi chu kỳ thời gian nào đó thì tới một thời chuyển hình, có thể mới tiến hóa. Vì vậy Loa Thành là cả một công trình bao gồm về triết học, khoa học quốc phòng.

Viêm Ấu: Một danh hiệu của giống Bách Việt.

Bách chiến: Bách chiến bách thắng nghĩa là đánh đâu được nấy.

Cô tức: Cô nghiệt, oan khổ tức tưởi.

Giá băng ngời: Lòng trong trắng sáng ngời.

Thăng Ngâu: Chỉ đứa Trọng Thủy. Riêng chữ Ngâu là một loại sâu đục trong thịt trái cây; như trái hồng bề ngoài trông như thường khi bửa ra bên trong đã bị thối ruỗng, nhìn thấy nhưng nhúc nhúc những sâu thường gọi như thế là ngâu vầy. Trong một câu thơ thương cô gái đẹp lấy phải anh chồng xấu có câu: “Tiếc đĩa hồng ngâm cho chuột vọc; Hoài mâm bánh lọc để ngâu vầy.” Cực tả hoàn cảnh cô gái đẹp, da trắng như bánh lọc, má hồng như trái hồng mà nữ để cho ngâu vầy chuột vọc!

Ấy năm năm nòi Hán mấy hạ cầu: Có ý kiến "hạ cầu hay hà cầu? Hà cầu là yêu cầu một cách hà khắc, nghiệt ngã vì sau này mỗi lần phải sang triều cống thiên triều, vẫn phải mang lu nước lấy ở giếng Trọng Thủy dâng để thiên tử rửa ngọc. Lấy cốc rửa ngọc bắt cống nước giếng, nhưng thâm ý là tỏ uy quyền kẻ mạnh bắt ta thần phục. Làm cho người thượng quốc chết thì phải đền tội(!). Như bắt đúc người vàng thế mạng Liễu Thăng (Sau này Mạc Đĩnh Chi mới gỡ được lệ cống này sau cuộc đấu lý. Ý kiến trên đây tuy đặt vấn đề, nhưng đã nhìn chung về một chế độ hà khắc của thiên triều nòi Hán thống trị áp đặt đối với Nam Việt sau ngày chiếm được Âu Lạc. Sự nghiệt ngã cụ thể là những điều kiện triều cống. Nói thế cũng đúng nhưng chỉ đúng vào cái hạn chung của cả dân tộc Bách Việt đối với đế quốc nòi Hán. Như thế sợ đã nhìn lệch ra ngoài phạm vi bài thơ này chăng?

Bài thơ *Hận Mế Châu* này tác giả cực tả mối tình ngây thơ trong trắng của Mế Châu bị âm mưu lừa gạt do dã tâm xâm lược của cha con Triệu Đà, đem đến một hậu quả vô cùng bi đát. Thương người cha bách chiến đến nỗi phải ôm mối sầu cô tức, nước mắt nhà tan, chính bản thân Mế Châu bị chết một cách oan uổng, Máu oan, khối oan, sóng oan, hồn oan còn mãi mãi rên xiết trong cõi trời Viêm Âu,

Ý kiến cho rằng: "Hà cầu" là yêu cầu một cách hà khắc, nghiệt ngã. Thực ra nếu đã gọi là hà khắc nghiệt ngã thì chỉ có mệnh lệnh, bắt ép áp bức, chứ đâu phải yêu cầu gì đối với kẻ bị trị? Đã hà lại còn cầu? Đọc lại câu thơ thấy chữ "hà cầu" ở đó hình như không ổn, nhất là lại có chữ "mấy" ở trước. Nếu bảo rằng: Năm năm là cái hạn phải sang triều cống thì nhất định là 5 năm còn phải hỏi gì nữa mà để chữ "mấy" ở đây?

Chúng tôi chỉ có thể hiểu được rằng: Năm năm là một thời gian kể từ lúc Triệu Đà bắt đầu đem quân từ quận Nam Hải sang đánh chiếm nước Âu Lạc, trong đó có cả thời gian dùng thủ đoạn hòa thân cầu kết mối tình oan nghiệt Trọng Thủy – Mế Châu, để đưa đến một kết thúc cực kỳ bi thảm là Triệu Đà đánh chiếm Âu Lạc rồi sát nhập vào quận Nam Hải. Triệu Đà cũng là nòi Hán. *Hạ cầu* nghĩa là hạ cái cầu treo ở cổng thành xuống cho quân trong thành kéo ra đi đánh (xuất quân). Ý nói trong vòng năm năm Triệu Đà đã mấy lần đem quân sang chiếm Âu Lạc.

Theo sử lược của Trần Trọng Kim: Nhà Tần chia đất Bách Việt và đất Âu Lạc làm ba quận: Nam Hải (Quảng Đông), Quế Lâm (Quảng Tây) và Tượng quận (Bắc Việt) [Cũng có nơi gọi Tượng quận là Việt Thường]. Người dân Việt Thường ngược mắt nhìn về phía địch mà căm hờn, cho nên nói "*Đường Quế Lâm, Nam Hải ngất mây sầu*", và hú hồn nuối tiếc mãi mãi hồn Mế Châu. Những mảnh hồn oan đau khổ của người dân mất nước cho nên nói: "*Hồn Việt Thường còn hú nuối Mế Châu!*"

B. Đại Ý Tổng Quát

Đại ý bài này: Tác giả đã vạch trần âm mưu gian ngoan xảo trá của cha con Triệu Đà. Bọn chúng chẳng qua chỉ vì muốn xâm chiếm lấy giang sơn gấm vóc của nòi Viêm Âu, chỉ vì sợ nỏ thần quá mầu nhiệm, thành ốc quá kiên cố nên phải trở ngón mưu ma chước quỷ lừa gạt kẻ lòng ngay. Chỉ đáng thương cho mỗi tình trong trắng ngây thơ của Mế Châu bị lợi dụng một cách tàn nhẫn đem đến hậu quả nước mất nhà tan, cha con mang mỗi hận thù. Hồn oan muôn đời không gột rửa. Mỗi hận Mế Châu cũng là mỗi hận muôn đời của nòi giống Việt Thường!

C. Ý Nghĩa Chi Tiết

Trọng Thủy là đứa đồng lõa với cha nó là Triệu Đà, mục đích của chúng là muốn xâm chiếm lấy giang sơn gấm vóc của dân tộc Viêm Âu, chúng sợ nhất cái bảo bối của địch thủ là cái "Linh quang kim trảo thần nỏ", hơn nữa là tòa thành Cổ Loa rất lợi hại, Cho nên phải giả chước cầu thân chứ đâu phải nó ham gì cái nhan sắc của Mế Châu! Ngược lại, tâm tình ngây thơ của Mế Châu tưởng là duyên may chỉ thăm, ngờ đâu lại là nặng nợ oan gia, nên đã vô tình chỉ lối đưa đường cho bọn giặc Tàu! Để rồi chuốc lấy mỗi đoạn trường đau khổ. Thương nỗi cha đương ở thế bách chiến bách thắng mà đến nỗi phải ôm mỗi sầu cô tức. Còn mình thì cái thân tuyết sạch giá trong đành để cho ngâu vầy như nhuốc thật đáng tiếc hận cho đời!

Máu oan khổ của em nguyện đọng lại thành ngọc trên châu để tỏ cho đời thấy ánh lòng trong sáng. Khổ tình oan khổ của em thề rửa máu trắng ngâu để giải bày hồn trinh trắng. Sóng oan tình của em thề làm thân tinh vệ lấp cho bằng bầu bể ác và hồn oan của em luôn luôn lưu luyến không rời bỏ cõi Viêm Âu yêu quý!

Nhìn lại vào khoảng những năm ấy, mỗi khi thấy cửa thành Nam Hải hạ cầu ấy là đoàn quân xâm lược như lang sói ra đi cướp phá gây tang thương đổ vỡ, nỏ thần hư, thành ốc sụp! Cả một vùng trời Quế Lâm Nam Hải ngất mây sầu như buồn đau cái đau mất nước của nòi giống Việt Thường mà dân Việt Thường còn hú hồn nuôi tiếc mãi hồn Mế Châu!!!

D. Bình Luận

Sau 18 đời Hùng Vương, nước Văn Lang được tiếp nối bằng Âu Lạc. Giai đoạn lịch sử này đã nói lên sự đoàn tụ của nòi giống Tiên Long, thêm vào phần kiến quốc có cả Quy nữa, tức là thần Kim Quy Thanh giang sứ giả). Những yếu tố chủ yếu tưởng đã giúp nên sự nghiệp hưng thịnh lâu dài. Tiếc rằng An Dương vương không thận trọng lời nói của thần Kim Quy: "Mệnh nước dài vẫn, xã tắc an nguy là vận của trời; nhưng người biết tu đức thì có thể lâu dài được." (Quốc lộ tu đoàn, xã tắc an nguy, thiên chi vận. Nhiên nhân năng tu đức khả dĩ duyên chi). Vì đã quá chú quan đến nỗi mỗi nguy vong ngay từ trong tâm phúc của mình sinh ra mà không dè! Chẳng trách được lời phê bình của tác giả "Việt Sử Tổng Vịnh" (Tự Đức) đã viết: "

Loa thành tài trúc, nỗ tài khoa
Hải thượng đồ cùng hối dĩ xa.
Nhược ngô hưng vong do nhất nữ
Hòa thân hà bất giám tiền xa.”

Tạm dịch:

Nỏ thần, thành ốc thế ai đương
Góc biển đường cùng nỗi thảm thương
Vĩ biết hưng vong do một gái
Vết xe sa trước chảng nơi gương?

Quả là đồ nước nghiêng thành chỉ vì một người con gái! Đến nỗi cả một cơ đồ Tiên Long phải sụp đổ! *Hồn Việt Thường còn hủ nuôi Mế Châu!*

Tác giả cũng hủ nuôi Mế Châu trong lời thơ “Hận Mế Châu” này. Ngoài lời giải bày đã làm ở trên, chúng ta cần chú ý thêm về những điểm ký ngụ sâu sắc sau đây:

Chữ *Mế* là tiếng nói gốc của dân tộc xưa kia. Khai quật tiếng Mế là lúc hồn văn hóa đã bị mai một từ muôn ngàn xưa trở về!

Tiếng *đưa* là tiếng chỉ mặt vạch tên kẻ ác ôn ghê tởm.

Điểm đáng lưu ý, thường thấy tác giả hay làm những bài thơ dài, nhất là ở những đề tài về mối hận dài thiên cổ như thế này. Song ở đây, hận tuy dài nhưng những mối đau thương chỉ được dồn nén bằng những lời sâu sắc vào trong khuôn khổ của 4 đoạn thơ 8 chữ đều đặn. Nếu lấy 4 đoạn đều đặn xếp chồng lên, hai ngang hai dọc. Nó sẽ mang hình chữ “Tĩnh” (井) là cái giếng. Cái giếng mà Trọng Thủy chôn xác Mế Châu rồi cũng nhảy xuống nay mà chết luôn. Gọi là giếng Ngọc vì người ta lấy nước giếng ấy mà rửa ngọc oan của Mế Châu – Hoặc là cái giếng làm chỗ bắt đầu xây thành ốc vòng tròn (ý nghĩa trên đã nói). Chưa kể đến đoạn thơ cuối thiếu một câu ở dòng thứ 3? Vô tình hay hữu ý? Hoặc sao chép để mất? Dù sao cũng là nghi vấn chung quanh cái giếng trong thành Cổ Loa mà hiện nay các sử gia nhất là triết gia đương bù đầu suy nghĩ. Ở đây tác giả hủ hồn văn hóa muôn ngàn đời trong dòng tâm tư “Hận Mế Châu”.